

Bản án số: 84/2022/DS-ST

Ngày: 20-6-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Giang.

Ông Đào Việt Khái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 379/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông S, sinh năm 1977 (Có mặt).

Cư trú tại: Khóm 1, thị trấn V, huyện T, tỉnh M.

Bị đơn:

1. Ông T; Sinh năm: 1978 (Vắng mặt).

2. Bà BH, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 3, thị trấn V, huyện T, tỉnh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 10 năm 2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/01/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn ông S trình bày:

Vào ngày 15/6/2021, ông T có vay của ông S tiền 22.000.000 đồng. lãi suất thỏa thuận. Khi vay tiền ông T có ký tên biên nhận nợ, hẹn đến ngày 15/7/2021 thanh toán. Từ khi vay tiền đến nay ông T không thanh toán nợ gốc và lãi suất. Ông đã nhiều lần liên hệ ông T yêu cầu thanh toán nợ nhưng ông T không trả.

Bà BH và ông T hiện đang còn là vợ, chồng nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà BH cùng trả cho ông số tiền 22.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định.

- Bị đơn ông T và bà BH đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông T, bà BH vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Việc ông S khởi kiện ông T và bà BH yêu cầu trả nợ vay. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Ông T và bà BH là bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Khóm 3, thị trấn V, huyện T, tỉnh M, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Ông T và bà BH được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T và bà BH.

[2]. Xét về quan hệ tranh chấp: Việc tranh chấp giữa ông S với ông T và bà BH là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015.

[3]. Về nội dung:

- Đối với yêu cầu của ông S buộc ông T trả cho ông số tiền nợ là 22.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Khi thực hiện giao dịch vay mượn, giữa ông S và ông T có làm biên nhận nợ ngày 15/6/2021, ông T có ký tên vào biên nhận nợ, nội dung biên nhận ông T có vay của ông S số tiền 22.000.000 đồng. Đối với ông T, bà BH Tòa án đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T, bà BH không có ý kiến gì về việc yêu cầu của ông S và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản đối yêu cầu của ông S. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của ông S, buộc ông T và bà BH có nghĩa vụ liên đới trả cho ông S số tiền 22.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về yêu cầu tính lãi suất: Tại biên nhận ngày 15/6/2021, có quy định thời hạn thanh toán là ngày 15/7/2021. Từ ngày 15/7/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, ông T không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Như vậy, ông T đã vi phạm thời hạn thanh toán từ ngày 15/6/2021 đến ngày 20/6/2021. Do đó, yêu cầu của ông S buộc ông T phải có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc là 22.000.000 đồng theo mức lãi suất quy định của Pháp luật tính từ ngày 15/06/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông S và ông T có thỏa thuận về lãi suất nhưng không xác định được mức lãi suất thỏa thuận cụ thể là bao nhiêu, nên cần áp dụng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự như sau:

Do các bên không xác định được mức lãi suất thỏa thuận nên áp dụng mức lãi suất 50% của mức lãi suất 20%/năm = 10%/năm (0,83%/tháng, 0,028%/ngày).

- Số tiền lãi của khoản vay 22.000.000 đồng từ ngày 15/6/2021 đến 20/6/2022 là 01 năm 05 ngày

$22.000.000 \text{ đ} \times 01 \text{ năm} \times 10\% + 22.000.000 \text{ đ} \times 5 \times 0,028\% = 2.230.137 \text{ đồng.}$

Như vậy, buộc ông T, bà BH có nghĩa vụ liên đới trả cho ông S tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 24.230.137 đồng. Trong đó, nợ gốc là 22.000.000 đồng, nợ lãi 2.230.137 đồng.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của ông S nên ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông T, bà BH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 24.230.137 đồng là 1.211.507 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S. Buộc ông T, bà BH cùng liên đới trả cho ông S số tiền 24.230.137 đồng (Hai mươi bốn triệu hai trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng). Trong đó, nợ gốc là 22.000.000 đồng, nợ lãi 2.230.137 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông S không phải chịu án phí, ông S đã nộp tiền tạm ứng án phí 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0017360 ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; Ông S được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông T, bà BH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.211.507 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Hoàng Giang

Đào Việt Khái

Nguyễn Văn Bình